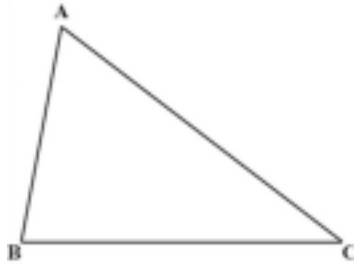


Đề thi Giữa kì 1 Toán lớp 5

(Bộ sách: Chân trời sáng tạo)

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1. Gọi tên các cạnh của tam giác dưới đây



- A. AB; AC; BC B. CA; CB; CC
C. AB; AC; AA D. BC; BA; BB

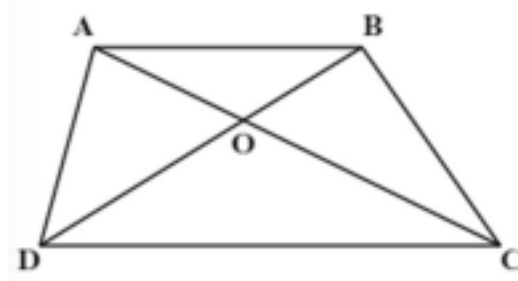
Câu 2. Hình thang vuông là hình có đặc điểm gì?

- A. Hình thang vuông là tứ giác có một góc vuông.
B. Hình thang vuông là hình thang có một cạnh bên vuông góc với hai đáy.
C. Hình thang vuông là hình thang có hai cạnh bên vuông góc với hai đáy.
D. Hình thang vuông là hình thang có hai cạnh bên bằng nhau và vuông góc với hai đáy.

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $32,54 - \dots = 78,23 - 45,76$.

- A. 32,47 B. 324,7 C. 0,07 D. 0,7

Câu 4. Chỉ ra cạnh bên của hình thang dưới đây

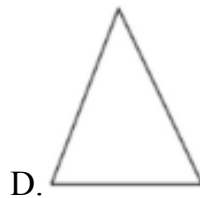
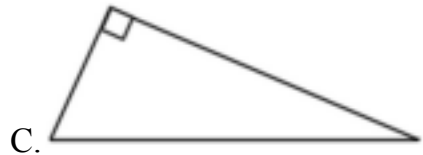
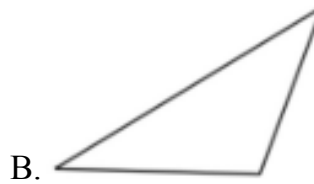
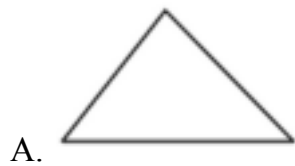


- A. AB; DC B. OA; OB C. OD; OC D. AD; BC

Câu 5. Muốn tính diện tích tam giác, ta làm như thế nào?

- A. Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao tương ứng (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 4.
- B. Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy một phần hai độ dài đáy nhân với một phần hai chiều cao tương ứng (cùng một đơn vị đo)
- C. Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao tương ứng (cùng một đơn vị đo)
- D. Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao tương ứng (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.

Câu 6. Trong các hình dưới đây, đâu là tam giác vuông?



Câu 7. Chu vi hình tròn có đường kính bằng 24 cm là:

A. 75,36 cm²

B. 75,36 cm

C. 452,16 m²

D. 452,16 m

Câu 8. Điền phép tính phù hợp vào chỗ chấm:

$$78,23 \dots 0,23 = 17,9929$$

A. \times

B. $:$

C. $+$

D. $-$

II. Phần tự luận

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $658,3 + 96,28$; b) $93,813 - 46,47$; c) $37,14 \times 82$; d) $308 : 5,5$.

Bài 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) $4 \text{ m}^2 8 \text{ dm}^2 = \dots \text{ m}^2$

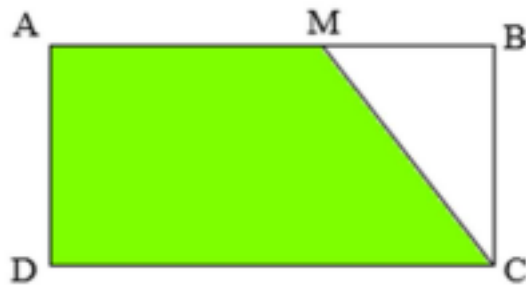
b) $9 \text{ km}^2 72 \text{ m}^2 = \dots \text{ km}^2$

c) $2 \text{ m}^2 3 \text{ dm}^2 = \dots \text{ dm}^2$

d) $720 \text{ ha} = \dots \text{ km}^2$

Bài 3. Hiệu hai số bằng 4104. Biết rằng nếu xóa chữ số 0 ở hàng đơn vị của số bị trừ thì được số trừ. Tìm hai số đó.

Bài 4. Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 24,4$ cm; $BC = 11$ cm. Điểm M nằm trên cạnh AB sao cho $AM = \frac{3}{5}AB$. Tính diện tích phần tô màu.



Bài 5. Tính nhanh: $\frac{1}{4} : 0,25 - \frac{1}{8} : 0,125 + \frac{1}{2} : 0,5 - \frac{1}{16} : 0,0625$